

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2019/NQ-HĐND

*Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 4 năm 2019*

### **NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ 13**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Xét Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

1. Danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai là 104 công trình, dự án (chi tiết theo Biểu 01 và các Biểu từ 1.1 đến 1.12 kèm theo Nghị quyết).

2. Danh mục bổ sung công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp theo điểm b, khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai là 74 công trình, dự án; trong đó: đất lúa 133,56 ha, đất rừng phòng hộ 10,0 ha (chi tiết theo Biểu 02 và các Biểu từ 2.1 đến 2.11 kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Tiếp tục triển khai thực hiện trong năm 2019 đối với những công trình theo Biểu 03, Biểu 04 kèm theo Nghị quyết.
2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XII, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 10 tháng 4 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 4 năm 2019./.

**CHỦ TỊCH**  
**Bùi Thị Quỳnh Vân**

**Biểu 1**

**BẢNG TỔNG HỢP  
CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA CÁC  
HUYỆN, THÀNH PHỐ**  
(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên huyện, thành phố	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Ghi chú
1	Thành phố Quảng Ngãi	15	120,31	116.077	Biểu số 1.1
2	Huyện Bình Sơn	17	87,38	246.835	Biểu số 1.2
3	Huyện Sơn Tịnh	2	0,23	230	Biểu số 1.3
4	Huyện Tư Nghĩa	12	44,49	55.920	Biểu số 1.4
5	Huyện Mộ Đức	20	184,14	659.958	Biểu số 1.5
6	Huyện Đức Phổ	6	5,18	45.994	Biểu số 1.6
7	Huyện Nghĩa Hành	4	8,69	8.100	Biểu số 1.7
8	Huyện Huyện Ba Tơ	3	2,35	2.550	Biểu số 1.8
9	Huyện Minh Long	8	4,32	101.340	Biểu số 1.9
10	Huyện Tây Trà	9	133,77	65.120	Biểu số 1.10
11	Huyện Trà Bồng	4	58,78	12.550	Biểu số 1.11
12	Huyện Lý Sơn	4	5,19	5670	Biểu số 1.12
	<b>Tổng</b>	<b>104</b>	<b>654,83</b>	<b>1.320.344</b>	

**BẢNG TỔNG HỢP**  
**CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG**  
**PHÒNG HỘ NĂM 2019 CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh)*

STT	Tên huyện, thành phố	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Ghi chú
				Diện tích đất Lúa (ha)	Diện tích đất RPH (ha)	
1	Thành phố Quảng Ngãi	12	63,02	28,58	0,16	Biểu số 2.1
2	Huyện Bình Sơn	21	97,82	29,10	1,00	Biểu số 2.2
3	Huyện Sơn Tịnh	1	0,20	0,20		Biểu số 2.3
4	Huyện Tư Nghĩa	10	39,25	22,65		Biểu số 2.4
5	Huyện Mộ Đức	15	141,02	40,09		Biểu số 2.5
6	Huyện Đức Phổ	2	1,06	0,06		Biểu số 2.6
7	Huyện Nghĩa Hành	3	8,28	7,11		Biểu số 2.7
8	Huyện Ba Tơ	2	4,58	1,36	0,20	Biểu số 2.8
9	Huyện Minh Long	5	1,01	0,39		Biểu số 2.9
12	Huyện Tây Trà	1	125,92	3,50	8,64	Biểu số 2.10
13	Huyện Trà Bồng	2	56,89	0,52		Biểu số 2.11
	<b>Tổng</b>	<b>74</b>	<b>539,05</b>	<b>133,56</b>	<b>10,00</b>	



**Biểu 3**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019**  
(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh)

<b>Stt</b>	<b>Tên công trình, dự án</b>	<b>Diện tích QH (ha)</b>	<b>Địa điểm (đến cấp xã)</b>	<b>Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ bản đồ, số thửa) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã</b>	<b>Ghi chú</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<b>Huyện Tư Nghĩa</b>				
1	Hệ thống hạ tầng khu dân cư trực đường Bàu Giang - Cầu mới (7,89 ha)	7,98	Nghĩa Điền	Tờ 4, 5	
2	Nhà máy nước Quảng Ngãi (Tuyến ống truyền tải)	2,15	Nghĩa Kỳ, Nghĩa Thuận	Tờ 3,4, 5, 8, 9 13, 14	
3	Nhà máy nước Quảng Ngãi	13,82	Nghĩa Kỳ, Nghĩa Thuận	Tờ 1, 3, 4, 5	

**Biểu 04****DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019***(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh)*

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	<b>Huyện Tư Nghĩa</b>					
1	Hệ thống hạ tầng khu dân cư trực đường Bàu Giang - Cầu mới (7,89 ha)	7,98	0,45		Nghĩa Điền	Tờ 4, 5
2	Nhà máy nước Quảng Ngãi (Tuyến ống truyền tải)	2,15	0,40		Nghĩa Kỳ, Nghĩa Thuận	Tờ 3,4, 5, 8, 9 13, 14

**Biểu 1.1**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh)*

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	DIỆN TÍCH QH	ĐỊA ĐIỂM (cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	CÔNG VĂN, CHỦ TRƯỞNG	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Chỉnh trang Khu dân cư tổ 6, tổ 8 phường Nghĩa Lộ và ngầm hóa hệ thống thoát	2,25	P Nghĩa Lộ	Tờ bản đồ số 43, 44, 50	QĐ số 925/QĐ-UBND ngày 01/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quyết định chủ trương đầu tư Dự án Chỉnh trang	5.000					5.000



	nước kết hợp đường giao thông Triệu Quang Phục				Khu dân cư tổ 6, tổ 8 phường Nghĩa Lộ và ngầm hóa hệ thống thoát nước kết hợp đường giao thông Triệu Quang Phục						
2	Khu dân cư Nhân Hòa kết hợp chính trang đô thị, phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi	5,27	phường Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 12, 31, 34	QĐ số 874/QĐ- UBND ngày 16/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quyết định chủ trương đầu tư Dự án Khu dân cư Nhân Hòa kết hợp chính trang đô thị, phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi	7.000					7.000

3	Dự án Ngâm hóa tuyến kênh thoát nước Sông Đào kết hợp chỉnh trang đô thị - Xây dựng khu dân cư lổm phía Đông đường Đoàn Khắc Cung, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi	1,28	phường Lê Hồng Phong	Tờ bản đồ số	QĐ số 1147/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quyết định chủ trương đầu tư Dự án Ngâm hóa tuyến kênh thoát nước Sông Đào kết hợp chỉnh trang đô thị - Xây dựng khu dân cư lổm phía Đông đường Đoàn Khắc Cung, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi	2.000					2.000
---	---	------	----------------------	--------------	--	-------	--	--	--	--	-------

4	Khu dân cư Châu Sa, xã Tịnh Châu, thành phố Quảng Ngãi	9,59	xã Tịnh Châu	Tờ bản đồ số 13,22,24	QĐ số 978/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quyết định chủ trương đầu tư Dự án Khu dân cư Châu Sa, xã Tịnh Châu, thành phố Quảng Ngãi	10.000					10.000
5	Khu dân cư Bắc thành phố Quảng Ngãi	9,87	phường Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 5, 6	QĐ số: 979/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quyết định chủ trương đầu tư Khu dân cư Bắc thành phố Quảng Ngãi	10.000					10.000

6	KDC phía Bắc đường Võ Nguyên Giáp	4,82	Xã Tịnh Ấn Tây	Tờ bản đồ số 8, 9, 11, 20	Quyết định số 12/QĐ- UBND ngày 07/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quyết định chủ trương dự án KDC phía Bắc đường Võ Nguyên Giáp, thành phố Quảng Ngãi	5.000					5.000
7	KDC An Nhơn Viên	4,99	Xã Tịnh An	Tờ bản đồ số 6, 15, 18, 19	Quyết định số 75/QĐ- UBND ngày 25/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án KDC An Nhơn Viên, xã Tịnh An, thành phố Quảng Ngãi	5.000					5.000

8	Khu du lịch văn hóa Thiên Ân	1,8	Phường Trương Quang Trọng, xã Tịnh An, xã Tịnh Ấn Đông	Tờ BĐ số 14, phường Trương Quang Trọng; tờ BĐ số 4, 5 xã Tịnh An; Tờ BĐ số 17, xã Tịnh Ấn Đông	Quyết định số 1996a/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án Khu du lịch văn hóa Thiên Ân	2.000		2.000			
9	Khu nhà ở sinh thái Rừng Dừa	9,44	Xã Tịnh Khê	Tờ bản đồ số 13, xã Tịnh Khê	Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc chủ trương đầu tư dự án Khu nhà ở sinh thái Rừng Dừa	10.000					10.000
10	Đường ven biển Dng Quát - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa	0,58	Xã Tịnh Hòa		Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao vốn đầu tư công năm 2019	1.000		1.000			

11	Công viên nghĩa trang Tỉnh Ân Viên	38,05	Xã Tỉnh Ân Đông	Tờ 4, 5, 6, 7, 8	QĐ chủ trương đầu tư số 855/QĐ-UBND ngày 08/10/2018	25.000					25.000
12	Dự án Công viên giải trí, thể thao trung tâm, kết hợp chính trang đô thị KDC Tây Nguyễn Chí Thanh	18,92	Phường Quảng Phú	Tờ số 17,18,21,22,38,39	QĐ chủ trương đầu tư số 57/QĐ-UBND ngày 22/01/2019	18.000					18.000
13	Khu đô thị Phú Mỹ	0,36	Phường Nghĩa Chánh và xã Nghĩa Đông	Tờ số 4 xã Nghĩa Đông, tờ số 4 phường Nghĩa Chánh	Điều chỉnh quy hoạch 1/500 Khu đô thị mới Phú Mỹ	3.000					3.000
14	Dự án Sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt	0,02	xã Nghĩa Phú	tờ số 6	QĐ số 1717/QĐ-UBND ngày 14/6/2017 của Sở Xây dựng về việc phê duyệt Báo cáo	77	77				

	xã Nghĩa Phú				KTKT						
15	Khu dân cư Nghĩa Đông kết hợp chính trang đô thị	13,07	xã Nghĩa Đông	tờ số 4, 7, 22, 23	QĐ chủ trương đầu tư số 56/QĐ-UBND ngày 22/01/2019	13.000					13.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>120,31</b>				<b>116.077,0</b>	<b>77,0</b>	<b>3.000,0</b>	-	-	#####

Biểu 2.1

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN BÌNH SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

St t	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trun g ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyệ n	Ngâ n sách cấp xã	Vốn khác (Doan h nghiệp . hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
1	Dự án Kè chống sạt lở bờ Bắc sông Trà Bồng,	1,00	xã Bình Minh	Tờ BĐ 38;39;56	Quyết định số 1217/QĐ- UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Quảng	9.000		9.000				



	đoạn qua thôn Tân Phước xã Bình Minh				Ngãi về việc hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện Bình Sơn để thực hiện công trình Kè chống sạt lở bờ Bắc sông Trà Bông, đoạn qua thôn Tân Phước xã Bình Minh						
2	Dự án Đường tránh lũ Bình Minh - Bình Khương	6,50	xã Bình Minh và xã Bình Khương	Tờ BĐ số 13,32,33,38,39 xã Bình Minh; Tờ BĐ số 45,46,52,53,55, 56 xã Bình Khương	Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của UBND huyện Bình Sơn phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2019 nguồn vốn ngân sách trung	20.000	20.000				

					ương						
3	Dự án Khu Chính trị - Hành chính thị trấn Châu Ô	0,58	Thị trấn Châu Ô	Tờ BĐ 12	Quyết định số 3059/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND huyện Bình Sơn	7.794			7.794		
4	Khu dân cư Nam Bình	3,9	xã Bình Nguyên	Tờ bản đồ số 14 và 21	Căn cứ Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư Nam Bình, xã Bình	29					29

					Nguyên, huyện Bình Sơn;						
5	Mở rộng Cụm công nghiệp Bình Nguyên (giai đoạn 3)	1,95	xã Bình Nguyên , xã Bình Trung	Tờ bản đồ số 7, 8 xã Bình Trung; tờ số 37 xã Bình Nguyên	Công văn số 3104/UBND Đ ngày 25/12/2018 của UBND huyện về việc thống nhất chủ trương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng mở rộng Cụm Công nghiệp Bình Nguyên (giai đoạn 3)	3			3		

6	Đập ngăn mặt Bình Nguyễn và Bình Phước	0,8	xã Bình Phước	Tờ bản đồ số 56, 57, 58	Quyết định 920/QĐ- UBND ngày 14/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Quyết định về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018	100.000		100.00 0			
7	Đập ngăn mặt Bình Nguyễn và Bình Phước	2,87	xã Bình Dương	Tờ bản đồ số 1, 8, 9, 14	Quyết định 920/QĐ- UBND ngày 14/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Quyết định về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018						

8	Hồ chứa nước Phước Hòa	1,2	xã Bình Khương	Tờ bản đồ số 47 và 51	Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	9	7	2			
9	Hồ chứa nước Hồ Lùng	1,8	xã Bình Thanh Đông	Tờ bản đồ số 14	Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	11	5	6			
10	Hồ chứa nước Ao Gió	1,8	xã Bình Hòa	Tờ bản đồ số 117 và 118	Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	11	6	5			



12	Đường ven biển Dung Quất-Sa Huỳnh	8,98	xã Bình Phú, Bình Châu, Bình Hòa		Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 14/3/2007 của Chủ tịch tỉnh về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường ven biển Dung Quất-Sa Huỳnh	8	8				
13	KDC chỉnh trang đô thị An Điền Phát	2,70	Thị trấn Châu Ô	tờ số 20,21,27,28	Quyết định chủ trương đầu tư số 786/QĐ-UBND ngày 10/9/2018	2.700					2.700

14	Bồi thường, GPMB, thu hồi đất cho Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi để giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án đầu tư: Hành lang tuyến ống dẫn khí từ Chu Lai về Trung tâm điện lực Dung Quất.	20,69	Xã Bình Thạnh.	Tờ bản đồ số: 2; 3; 7; 8; 14; 15; 16; 17; 26; 27 và 28 xã Bình Thạnh	Văn bản số 51/TTg-CN ngày 12/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiến độ tổng thể chuỗi dự án Khí Cá Voi Xanh; Công văn số 2179/BQL-QHXD ngày 30/11/2018 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc thống nhất nguyên tắc vị trí Hành lang tuyến ống dẫn khí từ Chu Lai về Trung tâm điện lực Dung Quất.	74.970				74.970
----	---	-------	----------------	--	---	--------	--	--	--	--------



15	Bồi thường, GPMB, thu hồi đất cho Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi để chuẩn bị mặt bằng xúc tiến đầu tư dự án Khu dân cư Bình Trị.	24,00	Xã Bình Trị.	Tờ bản đồ số: 26, 27, 39, 40, 41, 52 và 53 xã Bình Trị.	Công văn số 5298/UBND -CNXD ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc nghiên cứu, khảo sát, lập quy hoạch và đầu tư dự án Khu dân cư xã Bình Thạnh; khu dân cư Bình Trị; khu dịch vụ kết hợp Khu dân cư và nhà ở xã hội xã Bình Đông và Khu dịch vụ xã Bình Đông.	24.000					24.000
----	---	-------	--------------	---	---	--------	--	--	--	--	--------

16	Tạo quỹ đất sạch ở Khu kinh tế Dung Quất để kêu gọi đầu tư xây dựng dự án: Khu dịch vụ tổng hợp dầu khí OGS	3,71	xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số 65	Công văn số 644/BQL-QLĐT ngày 02/5/2018 của Ban Quản lý về việc chấp thuận nguyên tắc chủ trương và giới thiệu địa điểm nghiên cứu đầu tư dự án	4.000					4.000
17	Bồi thường, GPMB, thu hồi đất cho Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi để chuẩn bị mặt bằng	4,30	Xã Bình Đông, Bình Thuận.	Tờ bản đồ số: 38, 39, 45, 46 xã Bình Đông. Tờ bản đồ số: 64, 71 xã Bình Thuận.	Quyết định chủ trương đầu tư số 28/QĐ-BQL ngày 22/01/2019 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc chấp thuận đầu tư dự án Khu Dịch vụ Bình Đông do Công ty CP ĐT và	4.300					4.300

đầu tư dự án Khu dịch vụ Bình Đông.					PTHT 179 đầu tư.						
<b>Tổng cộng</b>	<b>87,3 8</b>					<b>246.835</b>	<b>20.02 6</b>	<b>109.01 3</b>	<b>7.797</b>	<b>-</b>	<b>109.99 9</b>

**Biểu 2.2**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019 CỦA HUYỆN BÌNH SƠN**  
(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	GHI CHÚ
			Diện tích đất Lúa (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Dự án Trạm bơm thôn Phước Thọ II, xã Bình Phước	1,30	1,00		xã Bình Phước	Tờ BĐ 82, 83, 84, 90, 91, 92, 98, 99	Đã có trong Quyết định 96/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh, nhưng chưa có trong danh mục công trình chuyển mục đích đất lúa

2	Dự án Kè chống sạt lở đoạn Bình Thới - Bình Dương	1,50	0,95		xã Bình Dương và xã Bình Thới	Tờ BĐ 2 tại xã Bình Thới; Tờ BĐ 17 tại xã Bình Dương	Đã có trong Quyết định 96/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh, nhưng chưa có trong danh mục công trình chuyển mục đích đất lúa
3	Dự án Trường Mầm non Sao Mai, xã Bình Chánh	0,42	0,02		xã Bình Chánh	Tờ BĐ 43	Đã có trong Quyết định 96/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh, nhưng chưa có trong danh mục công trình chuyển mục đích đất lúa
4	Dự án Đường vào đập Trần Vực Bà, huyện Bình Sơn	4,00	0,98		xã Bình Minh	Tờ BĐ 27, 59, 60, 66 và 67	Đã có trong Quyết định 96/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh, nhưng chưa có trong danh mục công trình chuyển mục đích đất lúa
5	Thủy lợi Đồng Sông (đập và kênh), huyện Bình Sơn	6,20	3,70	1,00	xã Bình Khương	Tờ BĐ 2, 24, 25	Đã có trong Quyết định 96/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh, nhưng chưa có trong danh mục công trình chuyển mục đích đất lúa

6	Kiên cố hóa kênh đập Trung Sanh - Sa Lương	0,30	0,30		xã Bình Long	Tờ ĐĐ 12,13	Đã có trong Quyết định 96/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh, nhưng chưa có trong danh mục công trình chuyển mục đích đất lúa
7	Dự án Kè chống sạt lở bờ Bắc sông Trà Bồng, đoạn qua thôn Tân Phước xã Bình Minh	1,00	0,15		xã Bình Minh	Tờ ĐĐ 38, 39,56	Đã có trong Quyết định 96/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh, nhưng chưa có trong danh mục công trình chuyển mục đích đất lúa
8	Dự án Đường tránh lũ Bình Minh - Bình Khương	6,50	0,63		xã Bình Minh và xã Bình Khương	Tờ ĐĐ số 13,32,33,38,39 xã Bình Minh; Tờ ĐĐ số 45,46,52,53,55,56 xã Bình Khương	
9	Bồi thường, GPMB, thu hồi đất cho Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi để giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án đầu tư: Hành lang tuyến ống dẫn khí từ Chu Lai về Trung tâm điện lực Dung Quất.	20,69	3,43		Xã Bình Thạnh.	Tờ bản đồ số: 2; 3; 7; 8; 14; 15; 16; 17; 26; 27 và 28 xã Bình Thạnh	

10	Bồi thường, GPMB, thu hồi đất cho Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi để chuẩn bị mặt bằng xúc tiến đầu tư dự án Khu dân cư Bình Trị.	24,00	7,80		Xã Bình Trị.	Tờ bản đồ số: 26, 27, 39, 40, 41, 52 và 53 xã Bình Trị.	
11	Tạo quỹ đất sạch ở Khu kinh tế Dung Quất để kêu gọi đầu tư xây dựng dự án: Khu dịch vụ tổng hợp dầu khí OGS	3,71	1,23		xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số 65	
12	Bồi thường, GPMB, thu hồi đất cho Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi để chuẩn bị mặt bằng đầu tư dự án Khu dịch vụ Bình Đông.	4,30	3,10		Xã Bình Đông, Bình Thuận.	Tờ bản đồ số: 38, 39, 45, 46 xã Bình Đông. Tờ bản đồ số: 64, 71 xã Bình Thuận.	
13	Khu dân cư Nam Bình	3,9	3,16		xã Bình Nguyên	Tờ bản đồ số 14 và 21	
14	Mở rộng Cụm công nghiệp Bình Nguyên (giai đoạn 3)	1,95	0,50		xã Bình Nguyên, xã Bình Trung	Tờ bản đồ số 7, 8 xã Bình Trung; tờ số 37 xã Bình Nguyên	
15	Đập ngăn mặn Bình Nguyên và Bình Phước	0,8	0,04		xã Bình Phước	Tờ bản đồ số 56, 57, 58	

16	Đập ngăn mặn Bình Nguyên và Bình Phước	2,87	0,24		xã Bình Dương	Tờ bản đồ số 1, 8, 9, 14	
17	Hồ chứa nước Phước Hòa	1,2	0,15		xã Bình Khương	Tờ bản đồ số 47 và 51	
18	Hồ chứa nước Hồ Lùng	1,8	0,27		xã Bình Thanh Đông	Tờ bản đồ số 14	
19	Hồ chứa nước Ao Gió	1,8	0,35		xã Bình Hòa	Tờ bản đồ số 117 và 118	
20	Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, đoạn qua xã Bình Chánh, phần bổ sung thiết kế cấm cọc giải phóng tại nhánh C1 của nút giao thông Dung Quất gói thầu A3	0,60	0,6		xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số 30 và 31	
21	Đường ven biển Dung Quất-Sa Huỳnh	8,98	0,5		xã Bình Phú, Bình Châu, Bình Hòa		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>97,82</b>	<b>29,10</b>	<b>1,00</b>			



**Biểu 1.3**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN SƠN TINH**  
(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Mở rộng Trường mầm non Tịnh Thọ	0,030	xã Tịnh Thọ	TBĐ số 21	Công văn số 16/UBND ngày 07/02/2018 của Chủ tịch UBND xã Tịnh Thọ về việc thống nhất cho chủ trương xây dựng điểm trường mầm non xã Tịnh Thọ	30				30	
2	Sân thể thao, Thọ Lộc Tây, xã Tịnh Hà	0,200	xã Tịnh Hà	TBĐ số 23	Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 27/12/2018 của Hội đồng nhân dân xã Tịnh Hà khóa XII, kỳ họp lần thứ VII, nhiệm kỳ 2016-2021	200				200	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>0,23</b>				<b>230</b>				<b>230</b>	

**Biểu 2.3**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2019 CỦA HUYỆN SƠN TỊNH**  
(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sân thể thao, Thọ Lộc Tây, xã Tịnh Hà	0,20	0,20		Xã Tịnh Hà	TBĐ số 23
	<b>TỔNG</b>	<b>0,20</b>	<b>0,20</b>			

**Biểu 1.4**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019 HUYỆN TƯ NGHĨA**  
(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó			Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
1	Hồ Chứa nước Hồ Tạc	2,10	Nghĩa Thuận	Tờ 18	Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2018, nguồn dự phòng ngân sách trung ương 2018	2.520,0	2.520,0				
2	Đường La Hà - Thu Xà đi KDC kết hợp dịch vụ phía Đông UBND huyện	0,20	La Hà	tờ 18	QĐ số 8573/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019	5.000,0			5.000,0		
3	Cầu phủ thuộc tuyến đường cụm công nghiệp La Hà, huyện Tư Nghĩa đi huyện Nghĩa Hành	1,00	Nghĩa Trung, La Hà	Tờ 6, Nghĩa Trung và Tờ 21, La Hà	QĐ số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019	800,0		800,0			

4	Kè chống sạt lở khu dân cư thị trấn Sông vệ, huyện Tư Nghĩa	3,50	Sông Vệ, Nghĩa Mỹ	Tờ 7, Nghĩa Mỹ và Tờ 14, 18, 21, Sông Vệ	QĐ số 1221/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện Tư Nghĩa để triển khai thực hiện công trình Kè chống sạt lở KDC thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa	2.000,0													
5	Nhà lưu niệm Nhà thơ Bích Khê	0,36	Nghĩa Hòa	Tờ 9, 10	Công văn số 3148/UBND-VX ngày 29/6/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi V/v chủ trương xây dựng Khu lưu niệm nhà thơ Bích Khê														
6	Khu dân cư nông thôn mới An Hòa, huyện Tư Nghĩa	7,12	Nghĩa Trung	tờ 1, 4	QĐ số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư nông thôn mới An Hòa, huyện Tư Nghĩa	10.000,0													10.000,00
7	Khu dân cư nông thôn mới Gia An - xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	9,24	Nghĩa Kỳ	Tờ 18	QĐ số 91/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư nông thôn mới Gia An - xã Nghĩa Kỳ	11.000,0													11.000,00
8	Khu dịch vụ đô thị Thiên Phúc	8,00	La Hà	Tờ 23, 26	QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu dịch vụ đô thị Thiên Phúc	9.000,0													9.000,00
9	Khu dân cư chỉnh trang đô thị An Điền Phát, La Hà	4,82	La Hà	Tờ 16, 17, 21, 22	QĐ số 642/QĐ-UBND ngày 30/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư chỉnh trang đô thị An Điền Phát, La Hà	5.500,0													5.500,00

10	Khu dân cư Nam Bàu Giang	5,10	thị trấn La Hà và xã Nghĩa Trung	tờ số 10 thị trấn La Hà và tờ số 3 xã Nghĩa Trung	Quyết định chủ trương đầu tư số 118/QĐ-UBND ngày 20/02/2019	5.000,0					5.000,00
11	Khu tái định cư Thôn 1, xã Nghĩa Lâm (phục vụ công tác GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT 623B (QN-Thạch Nham), giai đoạn 2	1,68	xã Nghĩa Lâm	tờ số 11	QĐ số 1263/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phê duyệt quy hoạch 1/500	2.400,0	2.400,0				
12	Khu dân cư xã Nghĩa Thắng (gđ1) (phục vụ công tác GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT 623B (QN-Thạch Nham), giai đoạn 2	1,37	xã Nghĩa Thắng	tờ số 11,18	QĐ số 1264/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phê duyệt quy hoạch 1/500	2.700,0					2.700,00
<b>Tổng</b>		<b>44,49</b>				<b>55.920</b>	<b>4.920</b>	<b>2.800</b>	<b>5.000</b>		<b>43.200</b>

**Biểu 2.4**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ  
SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2019 CỦA HUYỆN TƯ NGHĨA**  
(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất Lúa (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
1	Hồ Chứa nước Hồ Tạc	2,10	0,30		Nghĩa Thuận	Tờ 18
2	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Thiên Long	0,60	0,60		Thị trấn La Hà	Tờ 10
3	Đường La Hà - Thu Xà đi KDC kết hợp dịch vụ phía Đông UBND huyện	0,20	0,02		La Hà	Tờ 18
4	Khu dân cư nông thôn mới An Hòa, huyện Tư Nghĩa	7,12	4,00		Nghĩa Trung	tờ 1, 4
5	Khu dân cư nông thôn mới Gia An - xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	9,24	3,70		Nghĩa Kỳ	Tờ 18
6	Khu dịch vụ đô thị Thiên Phúc	8,00	6,40		La Hà	Tờ 23, 26

7	Khu dân cư chính trang đô thị An Điền Phát, La Hà	4,82	4,50		La Hà	Tờ 16, 17, 21, 22
8	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Petro Dung Quất 2	0,70	0,10		Nghĩa Điền	Tờ 7
9	Khu dân cư Nam Bà Giang	5,10	2,85		thi trấn La Hà và xã Nghĩa Trung	tờ số 10 thi trấn La Hà và tờ số 3 xã Nghĩa Trung
10	Khu dân cư xã Nghĩa Thắng (gđ1) (phục vụ công tác GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT 623B (QN-Thạch Nham), giai đoạn 2	1,37	0,18		xã Nghĩa Thắng	tờ số 11,18
	<b>Tổng</b>	<b>39,25</b>	<b>22,65</b>			

**Biểu 1.5**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2018 CỦA HUYỆN MỘ ĐỨC**

*(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)*

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Khu dịch vụ và dân cư An Phú	0,89	thị trấn Mộ Đức	tờ bản đồ số 5,6,9,10	Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 605/QĐ-UBND, ngày 11/7/2018 của UBND tỉnh	105.000					105.000
2	Kè bờ Nam sông Vệ, xã Đức Nhuận	1,05	xã Đức Nhuận	tờ bản đồ số 5,6	Quyết định bố trí vốn số 607/QĐ-UBND, ngày 12/7/2018 của UBND tỉnh	8.500		8.500			
3	Khu dân cư Ngõ ông Sáu ca giáp đường tránh đông QL 1 (đầu giá đất)	0,97	xã Đức Chánh	Tờ bản đồ số 24	Quyết định số 4726/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Mộ Đức	2.150			2.150		
4	Khu dân cư và dịch vụ Chợ Quán Lát	9,94	xã Đức Chánh	Tờ bản đồ số 11	Quyết định chủ trương đầu tư số 01/QĐ-UBND, ngày 02/01/2019 của UBND tỉnh	116.000					116.000



5	Khu TMDV Bắc cửa hàng xăng dầu Quán Lát (đầu giá đất)	2,10	xã Đức Chánh	Tờ bản đồ số 11	Quyết định số 4599/QĐ-UBND, ngày 22/10/2018 của UBND huyện Mộ Đức	14.990			14.990		
6	Kè, khu neo đậu tàu thuyền, khu dân cư xã Đức Lợi (UBND huyện chủ đầu tư)	5,45	xã Đức Lợi	Tờ bản đồ 4, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14	Quyết định số 4805/QĐ-UBND, ngày 31/10/2018 của UBND huyện Mộ Đức	51.700		15.000	36.700		
7	Khu sản xuất nông nghiệp sạch (UBND huyện làm chủ đầu tư để đầu giá)	20,3	xã Đức Minh	Tờ bản đồ số 9, 10, 12, 13	Quyết định số 4597/QĐ-UBND, ngày 22/10/2018 của UBND huyện Mộ Đức	5.000			5.000		
8	Tuyến đường vào khu rau sạch công nghệ cao (UBND huyện làm chủ đầu tư)	1,23	xã Đức Minh	Tờ bản đồ 19, 20, 21	Quyết định số 4786/QĐ-UBND, ngày 31/10/2018 của UBND huyện Mộ Đức	5.000		5.000			
9	Nhà văn hóa xã Đức Thạnh	0,72	xã Đức Thạnh	Tờ bản đồ số 7	Công văn số 1083/UBND-KT, ngày 27/10/2016 của UBND huyện về việc thỏa thuận nguồn vốn đầu tư xây dựng công trình Nhà văn hóa xã Đức Thạnh	0					
10	Khu tái định cư Hiệp Sơn (Tái định cư đường Quán Lát - Đá Chát)	1,30	xã Đức Hiệp	Tờ bản đồ số 10, 17	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư số 2008/QĐ-UBND, ngày 31/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	6.000		6.000			
11	Khu dân cư và thương mại - dịch vụ Bắc Trung tâm thị trấn Mộ Đức	9,90	xã Đức Tân	Tờ bản đồ 6	Quyết định chủ trương đầu tư số 26/QĐ-UBND, ngày 11/01/2019 của UBND tỉnh	155.309					155.309

12	Khu sản xuất chế biến thức ăn và chăn nuôi bò sữa tập trung ứng dụng công nghệ cao Vinamilk Quảng Ngãi	91,94	Xã Đức Phú	Tờ bản đồ 18, 24, 25	Quyết định chủ trương đầu tư số 21/QĐ-UBND, ngày 11/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	0					
13	Đường vào vùng lõi Khu sản xuất chế biến thức ăn và chăn nuôi bò sữa tập trung ứng dụng công nghệ cao Vinamilk Quảng Ngãi (UBND huyện làm chủ đầu tư)	1,01	xã Đức Phú	Tờ bản đồ 18,25	Quyết định số 3956/QĐ-UBND, ngày 24/9/2018 của UBND huyện	20.000		19.000	1.000		
14	Xây dựng đường dây điện 22kv; 04kV và Trạm biến áp để phục vụ sản xuất ở xã Đức Phong	0,03	xã Đức Phong	tờ bản đồ 15, 22, 30, 38	Quyết định số 4688/QĐ-UBND, ngày 25/10/2018 và Quyết định số 1514/QĐ-UBND, ngày 28/12/2018 của UBND huyện	5.986		5.986			
15	Dự án chỉnh trang đô thị kết hợp xây dựng Khu dân cư phía Bắc Quốc lộ 24	9,37	xã Đức Lân	Tờ bản đồ số 42, 44, 45	Quyết định chủ trương đầu tư số 126/QĐ-UBND, ngày 20/02/2019 của UBND tỉnh	75.000					75.000
16	Hạ tầng cụm công nghiệp-TTCN Thị trấn Mộ Đức.	20,0	thị trấn Mộ Đức	tờ bản đồ 19	Quyết định số 15/QĐ-UBND, ngày 08/01/2018 của UBND tỉnh về thành lập CCN tây thị trấn Mộ Đức	16.300			16.300		

17	Đường QL1A - đường đông thị trần Mộ Đức (Nút 5)	1,28	thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ 6	Quyết định số 2833/QĐ- UBND, ngày 05/7/2018 của UBND huyện Mộ Đức	8.000			8.000		
18	Mở rộng tuyến đường nội thị và KDC Nam cầu Vĩnh Phú (đầu giá đất)	1,50	thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ 9, 10	Quyết định số 3818/QĐ- UBND, ngày 06/9/2018 của UBND huyện Mộ Đức	8.200			8.200		
19	Tuyến đường QL 1A - Đá Bạc (UBND huyện chủ đầu tư)	5,15	xã Đức Nhuận, Đức Thắng	Tờ bản đồ 17, 18 xã Đức Thắng; TBD số 12, 14, 16, 18, 20 xã Đức Nhuận	Quyết định Chủ trương đầu tư số 1838/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh	50.000		50.000			
20	Nâng cao độ tin cậy lưới điện khu vực Điện lực Mộ Đức, Đức Phổ, Sơn Tịnh, Trà Bồng tỉnh Quảng Ngãi năm 2019	0,01	xã Đức Nhuận, xã Đức Phú	tờ bản đồ số 9, 12, 14, 20, xã Đức Nhuận; TBD số 4, 10, xã Đức Phú	Quyết định số 4810/QĐ- QNPC, ngày 14/9/2018 của Công ty Điện lực Quảng Ngãi về việc phê duyệt BCKTKT_ĐT XD Công trình Nâng cao độ tin cậy lưới điện khu vực điện lực Mộ Đức, Đức Phổ, Sơn Tịnh, Trà Bồng	6.823					6.823
	<b>Tổng cộng</b>	<b>184,138</b>				<b>659958</b>		<b>109486</b>	<b>92340</b>		<b>458132</b>

Biểu 2.5

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP THỰC HIỆN NĂM 2019 CỦA HUYỆN MỘ ĐỨC**  
(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Khu dịch vụ và dân cư An Phú	0,89	0,89		thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ số 5,6,9,10
2	Khu dân cư Ngõ ông Sáu ca giáp đường tránh đông QL 1 (đầu giá đất)	0,97	0,95		xã Đức Chánh	Tờ bản đồ số 24
3	Khu dân cư và dịch vụ Chợ Quán Lát	9,94	9,00		xã Đức Chánh	Tờ bản đồ số 11
4	Trụ sở làm việc Công an huyện Mộ Đức	2,63	2,63		thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ 6,9
5	Kè, khu neo đậu tàu thuyền, khu dân cư xã Đức Lợi	5,45	1,00		xã Đức Lợi	Tờ bản đồ 4, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14

6	Khu tái định cư Hiệp Sơn (Tái định cư đường Quán Lát - Đá Chát)	1,30	1,30		xã Đức Hiệp	Tờ bản đồ số 10, 17
7	Khu dân cư và thương mại - dịch vụ Bắc Trung tâm thị trấn Mộ Đức	9,90	9,50		thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ 6
8	Khu sản xuất chế biến thức ăn và chăn nuôi bò sữa tập trung ứng dụng công nghệ cao Vinamilk Quảng Ngãi	91,60	1,50		xã Đức Phú	Tờ bản đồ 18, 24, 25
9	Dự án chỉnh trang đô thị kết hợp xây dựng Khu dân cư phía Bắc Quốc lộ 24	9,37	6,00		Xã Đức Lân	Tờ bản đồ số 42, 44, 45
10	Đường QL1A - đường đông thị trấn Mộ Đức (Nút 5)	1,28	1,10		thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ 6
11	Mở rộng tuyến đường nội thị và KDC Nam cầu Vĩnh Phú	1,50	1,20		thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ 9, 10
12	Tuyến đường QL 1A - Đá Bạc	5,15	4,00		xã Đức Nhuận, Đức Thắng	Tờ bản đồ 17, 18 xã Đức Thắng; TBĐ số 12, 14, 16, 18, 20 xã Đức Nhuận
13	Cửa hàng xăng dầu Ánh Nguyễn	0,42	0,40		xã Đức Chánh	Tờ bản đồ 11
14	Dự án Khu Thương mại - dịch vụ Phi Bảo	0,61	0,61		thị trấn Mộ Đức	tờ bản đồ số 14, 15

15	nâng cao độ tin cậy lưới điện khu vực Điện lực Mộ Đức, Đức Phổ, Sơn Tịnh, Trà Bồng tỉnh Quảng Ngãi năm 2019	0,01	0,01		xã Đức Nhuận, xã Đức Phú	tờ bản đồ số 9, 12, 14, 20, xã Đức Nhuận; TBĐ số 4, 10, xã Đức Phú
<b>Tổng cộng</b>		<b>141,02</b>	<b>40,09</b>			

**Biểu 1.6**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN ĐỨC PHỒ**  
(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh)

St t	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doan h nghiệp , hỗ trợ...)
							Ngân sách Trun g ương	Ngâ n sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyệ n	Ngâ n sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10) + (11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Hệ thống cấp nước sạch phục vụ khu dân cư Sa Huỳnh	1,70	Xã Phở Thạnh	TBĐ 4, 27	Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, Quyết định chủ trương đầu tư Dự án hệ thống cấp nước sạch phục vụ khu dân cư Sa Huỳnh	29.000					29.000

2	Tuyến đê biên thôn Thạnh Đức, xã Phổ Thạnh	1,21	xã Phổ Thạnh	TBĐ số 19, 27, 39	Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, Quyết định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng Dự án: Xây dựng tuyến đê biên thôn Thạnh Đức, xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	5.000		5.000		
3	Trường Mầm non Phổ Châu hạng mục: Nhà lớp học 4 phòng 2 tầng, hệ thống PCCC ngoài nhà và sân nền	0,36	xã Phổ Châu	TBĐ số 25	Quyết định số 4203/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ, Quyết định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án công trình: Trường Mầm non Phổ Châu: Hạng mục: Nhà lớp học 4 phòng 2 tầng, hệ thống PCCC ngoài nhà và sân nền	5.266		5.266		
4	Khu dân cư vùng lồm xã Phổ Hoà	0,24	xã Phổ Hoà	TBĐ số 14, 02, 05, 13	Thông báo số 397/TB-UBND ngày 23/11/2018 của UBND huyện Đức Phổ về việc thống nhất chủ trương lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các khu dân	1.000		1.000		



					cur vùng lom xã Phở Hoà					
5	Sửa chữa nâng cấp đường Phố Minh - Phở Văn	0,82	xã Phở Văn	TBĐ số 6, 9	Quyết định số 3742a/QĐ-UBND ngày 08/9/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đức Phở, Quyết định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Sửa chữa, nâng cấp đường Phố Minh – Phở Văn (ĐH.43)	5.228			5.228	
6	Nâng cấp tuyến Quốc lộ 1 đi bãi rác	0,85	xã Phở Thạnh	Tờ số 34	QĐ số 3777/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của UBND huyện Đức Phở về việc bổ sung kinh phí cho các địa phương, đơn vị trả nợ khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành và thực hiện một số nhiệm vụ	500				
	<b>Tổng</b>	<b>5,18</b>				<b>45.994</b>	<b>-</b>	<b>5.000</b>	<b>11.494</b>	<b>-</b>
										<b>29.000</b>

**Biểu 2.6**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2019 CỦA HUYỆN ĐỨC PHỒ**  
(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Khu dân cư vùng lồm xã Phở Hoà	0,24	0,01		xã Phở Hoà	TĐ số 14, 02, 05, 13
2	Sửa chữa nâng cấp đường Phở Minh - Phở Văn	0,82	0,05		xã Phở Văn	TĐ số 6, 9
<b>TỔNG</b>		<b>1,06</b>	<b>0,06</b>	<b>0,00</b>		

**Biểu 1.7**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN NGHĨA HÀNH**  
(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh)

S T T	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
1	Nâng cấp tuyến đường ĐT.624B (Quán Lát – Đá Chát), đoạn Km0+00 - Km8+00:	3,20	Hành Thịnh	Tờ bản đồ: 3, 27, 32, 33	Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp tuyến đường ĐT.624B (Quán Lát - Đá Chát), đoạn Km0+00 - Km8+00;	3.000		3.000				
2	Khu dân cư Nam Đồng Xít (giai đoạn 2)	4,98	Thị trấn Chợ Chùa và Hành Đức	Tờ bản đồ: 3 xã Hành Đức; 25 thị trấn Chợ Chùa	- Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Khu dân cư Nam Đồng Xít (giai đoạn 2);	5.000				5.000		

3	Nâng cấp đường huyện ĐH.58 và ĐH.58E	0,10	Thị trần Chợ Chùa	Tờ bản đồ: 25	Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của của UBND huyện Nghĩa Hành về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Nâng cấp đường huyện ĐH.58 và ĐH.58E;	100			100		
4	Chùa Hưng Long	0,41	xã Hành Phước	Tờ số 17	Công văn thống nhất chủ trương số 7801/UBND-NNTN ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi						
<b>Tổng cộng</b>		<b>8,69</b>				<b>8.100</b>	<b>-</b>	<b>3.000</b>	<b>100</b>	<b>5.000</b>	<b>-</b>

**Biểu 2.7**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2019 CỦA HUYỆN NGHĨA HÀNH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh)*

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Nâng cấp tuyến đường ĐT.624B (Quán Lát – Đá Chát), đoạn Km0+00 - Km8+00:	3,20	3,00		Hành Thịnh	Tờ bản đồ: 3, 27, 32, 33
2	Khu dân cư Nam Đồng Xít (giai đoạn 2)	4,98	4,10		Thị trấn Chợ Chùa và Hành Đức	Tờ bản đồ: 3 xã Hành Đức; 25 thị trấn Chợ Chùa
3	Nâng cấp đường huyện ĐH.58 và ĐH.58E	0,10	0,01		Thị trấn Chợ Chùa	Tờ bản đồ: 25
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>8,28</b>	<b>7,11</b>			

**Biểu 1.8**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN BA TƠ**  
(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	San lấp ao cá tại vị trí ngã ba đường Nguyễn Chánh-Đường 3 tháng 2	0,05	TTr Ba Tơ	Tờ 12 thửa 198 BĐDC	Quyết định 1822/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách huyện năm 2019	200			200		
2	Nâng cấp, cải tạo khu vực di tích Nha Kiềm lý	0,07	TTr Ba Tơ	Tờ 12 thửa 41 BĐDC	Quyết định 1822/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách huyện năm 2019	350			350		

3	Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị phía Tây sông Tài Năng	2,23	thị trấn Ba Tơ	Tờ 07 BĐDC	QĐ chủ trương đầu tư số 854/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của UBND tỉnh	2.000					2.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2,35</b>				<b>2.550</b>	-	-	<b>550</b>	-	<b>2.000</b>

**Biểu 2.8**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2019 CỦA HUYỆN BA TƠ**  
(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Đường dây 220KV Thượng Kon Tum - Quảng Ngãi	2,35	0,06	0,2	Các xã: Ba Tiêu, Ba Vi, Ba Tô, Ba Đình, Ba Chùa, Ba Cung, Ba Thành, Ba Động, Ba Liên	Các xã: Ba Tiêu 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10; Ba Vi 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12; Ba Tô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19; Ba Đình 15, 16, 17, 21; Ba Chùa 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11; Ba Cung 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9; Ba Thành 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8; Ba Động 1, 3, 4; Ba Liên 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8
2	Khu dân cư kết hợp chính trang đô thị phía Tây sông Tài Năng	2,23	1,3		thị trấn Ba Tơ	Tờ 07 BĐDC
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4,58</b>	<b>1,36</b>	<b>0,20</b>		



**Biểu 1.9**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN MINH LONG**  
(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Làm mới đập Gò Ráp, Đồng Rinh, xã Thanh An	0,02	Xã Thanh An	Tờ bản đồ 7	Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện	1,000			1,000		
2	Trường Mẫu giáo xã Long Hiệp	0,01	Xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 13	Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện	1,550			1,550		
3	Xây dựng công chào huyện Minh Long	0,015	Xã Long Mai	Tờ bản đồ số 33	Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện	1,990			1,990		

4	Đường từ đồi Ba Cùm đi Hà Bôi	0,75	Xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 19,26,27	Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện	6,700				6,700	
5	Trường Mẫu giáo Thanh An	0,12	Xã Thanh An	Tờ bản đồ số 26	Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	3,100			3,100		
6	Đường Làng Ren đi Nước Cua	1,20	Xã Long Môn	Tờ bản đồ số 21,22,23	Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long và Công văn số 7940/UBND-TH ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh	17,000			9,000	8,000	
7	Tuyến Công Loan đi cầu Tịnh Đổ, xã Thanh An huyện Minh Long	0,70	Xã Thanh An	Tờ bản đồ số 27,31	Nghị quyết số 53/2018/NQ-HĐND ngày 26/12/2018 của HĐND huyện Minh Long	10,000					10,000
8	Đường Bờ tả Sông Phước Giang huyện Minh Long	1,50	Xã Long Hiệp, Long Mai	Tờ bản đồ địa chính số 5, xã Long Hiệp; tờ số 57, xã Long Mai	Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long	60,000					60,000

	<b>Tổng cộng</b>	<b>4,32</b>				<b>101,340</b>	-	<b>12,100</b>	<b>19,240</b>	-	<b>70,000</b>
--	------------------	-------------	--	--	--	----------------	---	---------------	---------------	---	---------------

Biểu 2.9

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019 CỦA HUYỆN MINH LONG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh)*

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Làm mới đập Gò Rấp, Đồng Rinh, xã Thanh An	0,020	0,020		Xã Thanh An	Tờ bản đồ 7
2	Trường Mẫu giáo xã Long Hiệp	0,100	0,100		Xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 13
3	Xây dựng cổng chào huyện Minh long	0,015	0,015		Xã Long Mai	Tờ bản đồ số 33
4	Đường từ đồi Ba Cùm đi Hà Bôi	0,750	0,200		Xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 19,26,27
5	Trường Mẫu giáo Thanh An	0,120	0,050		Xã Thanh An	Tờ bản đồ số 26
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1,01</b>	<b>0,39</b>			

**Biểu 1.10**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN TÂY TRÀ**  
(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Khắc phục các điểm sạt lở Trên tuyến đường Trà Phong - Trà Thanh	0,3	Xã Trà Phong – Trà Thanh	(537565.93; 1689761.60) (537499.71; 1689510.42)	Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019						

2	Đường liên xã Trà Nham - Trà Thọ - Trà Lãnh	1,2	Xã Trà Nham – Trà Lãnh	(548921.12; 1679584.27) (547700.60; 1678551.06)	Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 (Đợt 1) thuộc chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi	10.000		10.000			
3	Trường Tiểu học Trà Thanh	0,6	Xã Trà Thanh	(537515.12; 1688998.06)	Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 (Đợt 1) thuộc chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi	5000		5.000			
4	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ngã 3 Trà Xinh đi Thôn Trà Ôi	2,26	Xã Trà Xinh	(537162.87; 1672561.32) (537920.65; 1673375.99)	Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019	15.000		15.000			
5	Khắc phục sạt lở Khu TĐC thôn Trà Ích	0,16	Xã Trà Lãnh	(544919.76; 1678056.87) (544912.91; 1677958.15)	Quyết định số 2044/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Tây Trà về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2019	3000		3.000			

6	Sửa chữa tuyến đường Trà Quân – Trà Bao – Trà Khê	0,3	Xã Trà Khê và Xã Trà Quân	(537658.030; 1681269.740) (537579.730; 1681268.420) (537581.690; 1681297.960) (537651.120; 1681299.960)	Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của UBND huyện Tây Trà về việc bổ sung kinh phí khắc phục các công trình bị hư hỏng, thiệt hại do bão số 12 và mưa lũ gây ra	70				70	
7	Khắc phục tuyến đường Trà Phong – Trà Xinh, huyện Tây Trà	2,9	xã Trà Phong	(536627.000; 1676548.000) (536604.000; 1676631.000) (536310.000; 1676604.000) (536368.000; 1676695.000)	Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND huyện Tây Trà về việc phân bổ nguồn thu ngân sách cấp tỉnh vượt dự toán HĐND tỉnh giao năm 2017	50				50	
8	Thủy điện Trà Phong	125,92	Xã Trà Xinh; Xã Trà Phong và Xã Trà Khê	(532676.586; 1679349.105) (531695.073; 1681125.944) (537327.607; 1675622.067) (536133.332; 1675705.703) (536445.034; 1676739.831) (534095.007; 1677796.610)	QĐ chủ trương đầu tư số 19/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của UBND tỉnh	30.000					30.000

9	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường trung tâm huyện lỵ Tây Trà	0,1	Xã Trà Phong	(538278.060; 1677425.152) (538513.926; 1677781.839)	<i>Quyết định số 2044/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Tây Trà về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2019</i>	2.000			2.000		
<b>Tổng cộng</b>		<b>133,74</b>				<b>65.120</b>	-	30.000	5.120	-	30.000



**Biểu 2.10**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ  
SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2019 CỦA HUYỆN TÂY TRÀ**  
(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Thủy điện Trà Phong	125,92	3,50	8,64	Xã Trà Xinh; Xã Trà Phong và Xã Trà Khê	(532676.586; 1679349.105) (531695.073; 1681125.944) (537327.607; 1675622.067) (536133.332; 1675705.703) (536445.034; 1676739.831) (534095.007; 1677796.610)
<b>Tổng cộng</b>		<b>125,92</b>	<b>3,5</b>	<b>8,64</b>		

**Biểu 1.11**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 HUYỆN TRÀ BÔNG**  
(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách cấp xã	
1	Thủy điện Kà Tinh	55,79	Trà Lâm, Trà Sơn và Trà Thủy	số 689545, 686545, 686548, 689548 (xã Trà Lâm); số 689548 (xã Trà Sơn) và số 689548, 689551 (xã Trà Thủy)	Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của UBND tỉnh về việc Quyết định chủ trương đầu tư dự án thủy điện Kà Tinh; Công văn số 5804/UBND ngày 09/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thống nhất vị trí bổ sung quy hoạch sử dụng đất để xây dựng các công trình trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi và huyện Trà Bông	10500					10500

2	Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ chứa nước An Phong thuộc Tiểu dự án “Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi	1,83	Trà Bình	Thuộc tờ bản đồ số 01 được trích đo năm 2018, chỉnh lý từ tờ bản đồ địa chính số 10, xã Trà Bình, huyện Trà Bồng	Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 1) thuộc Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8); Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2018 nguồn vốn ngân sách Trung ương; Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 26/3/2018 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn năm 2018 để thực hiện dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8); Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018	850	850				
---	---	------	----------	--	--	-----	-----	--	--	--	--

3	Kè chống sạt lở Suối Bồi thuộc dự án Kè chống sạt lở hai bên bờ sông thị trấn Trà Xuân (giai đoạn II)	1,10	Trà Xuân	Tờ bản đồ số 06, 07 và 17	Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND huyện Trà Bồng về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2018 hỗ trợ các công trình cấp bách từ nguồn thu ngân sách cấp tỉnh giao năm 2017; Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 30/7/2018 của UBND huyện Trà Bồng về việc đầu tư cấp bách công trình: Kè chống sạt lở Suối Bồi thuộc dự án Kè chống sạt lở hai bên bờ sông thị trấn Trà Xuân (giai đoạn II)	1200	1200			
4	Trường Mầm Non thôn Nước Nĩa	0,06	Trà Bù	Tờ bản đồ số 60	Quyết định số 2791/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Trường Mầm Non thôn Nước Nĩa, xã Trà Bù	0				
<b>TỔNG</b>		<b>58,78</b>				<b>12.550</b>	<b>2.050</b>			<b>10.500</b>

**Biểu 2.11****DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2019 CỦA HUYỆN TRÀ BỒNG***(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh)*

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Thủy điện Kà Tinh	55,79	0,50		Trà Lâm	Thuộc mảnh bản đồ địa chính cơ sở số 689545, 686545, 686548, 689548, xã Trà Lâm
2	Kè chống sạt lở Suối Bồi thuộc dự án Kè chống sạt lở hai bên bờ sông thị trấn Trà Xuân (giai đoạn II)	1,10	0,02		Trà Xuân	tờ bản đồ địa chính số 06, 07 và 17, thị trấn Trà Xuân
	<b>Tổng cộng</b>	<b>56,89</b>	<b>0,52</b>			

**Biểu 1.12**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN LÝ SƠN**  
(Kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Quảng trường Trung tâm huyện Lý Sơn	1,57	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số 27	QĐ số 2109/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Lý Sơn về việc giao chỉ tiêu vốn năm 2019	2.500			2500		

2	Hệ thống trữ nước sinh hoạt, kết hợp tưới tiết kiệm cho nông nghiệp đảo Lý Sơn	3	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số 11, 16	QĐ số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao chỉ tiêu vốn đầu tư công năm 2020	3.000			3.000		
3	Vườn hoa kiến thiết đô thị Lý Sơn	0,58	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số 26, 27	QĐ số 2109/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Lý Sơn về việc giao chỉ tiêu vốn năm 2019	100			100		
4	Tường rào bảo vệ tuyến cáp ngầm vượt biển phía trạm cắt 22 kV Lý Sơn	0,04	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số 21	Quyết định số 6683/QĐ-QNPC ngày 07/12/2018	70					70
	<b>Tổng cộng</b>	<b>5,19</b>				<b>5.670</b>	-	-	<b>5.600</b>	-	<b>70</b>

